

THÔNG BÁO

Về việc thu học phí, lệ phí, phí sát hạch và thi, phí phụ đạo
thuyền trưởng, máy trưởng và chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ GTVT (TRUNG TÂM CTTA)

Căn cứ Quyết định số 918/QĐ-BGTVT ngày 06/04/2005 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Tư vấn và Ứng dụng Công nghệ GTVT (Trung tâm CTTA) trực thuộc Trường Cao đẳng Nghề GTVT Đường thủy II (trước kia là Trường Trung học Hàng giang Trung ương II);

Căn cứ Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/06/2005 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý Nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 63/2003/TT-BTC ngày 26/06/2003 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu và sử dụng phí dự thi, dự tuyển vào các cơ sở dạy nghề;

Căn cứ Quyết định số 926/QĐ-ĐTII ngày 30/12/2011; Quyết định số 309/QĐ-ĐTII ngày 02/04/2013 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề GTVT Đường thủy II về việc ban hành mức thu học phí bồi dưỡng cấp chứng chỉ nghiệp vụ đối với người lái phương tiện thủy nội địa; học phí bổ túc nâng hạng bằng thuyền, máy trưởng phương tiện thủy nội địa; học phí phụ đạo cho học viên dự thi lại, học viên sát hạch đổi bằng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa,

THÔNG BÁO:

1. Tất cả học viên dự học tại Trường Cao đẳng nghề Giao thông Vận tải Đường thủy II và các điểm mà Trường thực hiện liên kết đào tạo theo các hình thức học chính khóa, học phụ đạo, dự thi chính thức, dự thi lại, sát hạch chuyển đổi bằng bổ túc thuyền, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa, thực hiện đóng tiền theo quy định tại **mục 2** của Thông báo này.

2. **Mức thu cụ thể:** (có biểu mức thu kèm theo)

2.1- Học viên dự học và dự thi chính thức (lần đầu):

Học viên phải tham gia dự học và thi tất cả các môn tương ứng với từng hạng bằng, chứng chỉ chuyên môn đăng ký và đóng đủ 100% học phí; 100% phí sát hạch và thi; 100% lệ phí xét tuyển.

2.2- Học viên xin chuyển đổi bằng và cấp lại bằng:

Phải tham gia sát hạch một số môn theo quy định và đóng đủ các khoản phí của từng hạng bằng chứng chỉ chuyển đổi hoặc cấp lại.

2.3- Học viên thi lại:

Đóng đủ 50% phí sát hạch và thi của từng hạng bằng tương ứng.

2.4- Phụ đạo cho học viên:

Khi học viên có nhu cầu học phụ đạo, Nhà Trường sẽ tổ chức dạy phụ đạo cho tất cả những học viên thi lại; học viên xin chuyển đổi bằng, cấp lại bằng; học viên học yếu; học viên muốn nâng cao tay nghề. Học viên phải đóng đủ 100% học phí phụ đạo của từng hạng bằng tương ứng.

3. Thời hạn đóng tiền:

- 3.1- Học viên đóng đủ tiền lệ phí xét tuyển, học phí, phí phụ đạo theo từng hạng bằng thuyền, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn tương ứng trước ngày khai giảng khóa học (đóng tiền khi nộp hồ sơ dự học).
- 3.2- Học viên đóng đủ tiền phí sát hạch, thi theo từng hạng bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn trước khi vào dự thi.
- 3.3- Học viên đóng đủ tiền lệ phí cấp chứng chỉ chuyên môn khi nhận chứng chỉ.

4. Địa điểm đóng tiền:

Học viên đóng tiền tại phòng Tổng hợp của Trung tâm Tư vấn và Ứng dụng Công nghệ GTVT (Trung tâm CTTA) thuộc Trường Cao đẳng nghề GTVT Đường thủy II; Số 33 Đào Trí – Phường Phú Mỹ – Quận 7 – Thành phố Hồ Chí Minh; Điện thoại 083.785 2344 – 083.785 1719 – 083.785 1842 hoặc tại các đơn vị liên kết đào tạo với Trường khi học viên nộp hồ sơ dự học, dự thi tại các đơn vị liên kết này.

5. Hiệu lực thi hành:

- 5.1- Mức học phí, lệ phí xét tuyển, phí sát hạch và thi, phí phụ đạo quy định tại thông báo này, được áp dụng cho học viên học tại Trường Cao đẳng Nghề GTVT Đường thủy II; Số 33 Đào Trí – Phường Phú Mỹ – Quận 7 – Thành phố Hồ Chí Minh và các điểm liên kết đào tạo với Trường.
- 5.2- Thông báo này được **áp dụng từ ngày 02/04/2013** cho đến khi có thông báo mới. Các văn bản trước đây về việc thu học phí, lệ phí xét tuyển , phí sát hạch và thi, phí phụ đạo của học viên bổ túc thuyền, máy trưởng và chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa trái với thông báo này đều bãi bỏ./.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Các phòng, khoa (phối hợp thực hiện);
- Các đơn vị liên kết (phối hợp thực hiện);
- Lưu: VT CTTA.

GIÁM ĐỐC

Đã ký

Trần Văn Chín

BẢNG TỔNG HỢP THU TIỀN ĐÀO TẠO BỒ TÚC THUYỀN, MÁY TRƯỞNG VÀ CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN PTTNĐ

(Ban hành kèm theo Thông báo số 29/TB ngày 06/05/2013
của Giám đốc Trung tâm Tư vấn & Ứng dụng Công nghệ GTVT)

STT	Loại đào tạo	Học phí (đồng/ học viên)	Phí sát hạch và thi theo TT số 47/2005/TT- BTC (đồng/học viên)	Lệ phí xét tuyển theo TT số 63/2003/T T-BTC (đồng/hồ sơ)	Lệ phí cấp CCCM theo TT số 47/2005/T T-BTC (đồng/cái)	Tổng cộng
A	Bồ túc nâng hạng bằng thuyền trưởng, máy trưởng					
1	Thuyền trưởng hạng nhất	5.000.000	220.000	15.000		5.235.000
2	Thuyền trưởng hạng nhì	4.000.000	200.000	15.000		4.215.000
3	Thuyền trưởng hạng ba	3.000.000	170.000	15.000		3.185.000
4	Máy trưởng hạng nhất	4.500.000	200.000	15.000		4.715.000
5	Máy trưởng hạng nhì	3.500.000	170.000	15.000		3.685.000
6	Máy trưởng hạng ba	2.500.000	140.000	15.000		2.655.000
B	Đào tạo và bồi dưỡng cấp chứng chỉ nghiệp vụ					
1	Chứng chỉ thủy thủ	2.000.000	140.000	15.000	20.000	2.175.000
2	Chứng chỉ thợ máy	2.000.000	140.000	15.000	20.000	2.175.000
3	Chứng chỉ người lái phương tiện	2.000.000	140.000	15.000	20.000	2.175.000
C	Bồi dưỡng cấp chứng chỉ an toàn cơ bản và chứng chỉ đặc biệt					
1	Chứng chỉ điều khiển phương tiện tốc độ cao loại I	2.000.000	140.000	15.000	20.000	2.175.000
2	Chứng chỉ điều khiển phương tiện tốc độ cao loại II	1.500.000	140.000	15.000	20.000	1.675.000
3	Chứng chỉ điều khiển phương tiện thủy nội địa đi ven biển	2.000.000	140.000	15.000	20.000	2.175.000
4	Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở dầu; chở hóa chất ; chở khí hóa lỏng	1.500.000	140.000	15.000	20.000	1.675.000
5	Chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản	1.000.000	140.000	15.000	20.000	1.175.000

BẢNG TỔNG HỢP THU TIỀN HỌC VIÊN
DỰ THI LẠI (LÝ THUYẾT) ĐỀ XIN CẤP LẠI BẰNG THUYỀN TRƯỞNG,
MÁY TRƯỞNG VÀ CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN PTTNĐ

(Ban hành kèm theo Thông báo số 29/TB ngày 06/05/2013
của Giám đốc Trung tâm Tư vấn & Ứng dụng Công nghệ GTVT)

STT	Loại đào tạo	Phí phụ đạo (đồng/ học viên)	Phí sát hạch và thi theo TT số 47/2005/T T-BTC (đồng/học viên)	Lệ phí xét tuyển theo TT số 63/2003/T T-BTC (đồng/hồ sơ)	Lệ phí cấp CCCM theo TT số 47/2005/T T-BTC (đồng/cái)	Tổng cộng
1	Thuyền trưởng hạng nhất	2.000.000	110.000	15.000		2.125.000
2	Thuyền trưởng hạng nhì	1.000.000	100.000	15.000		1.115.000
3	Thuyền trưởng hạng ba	600.000	85.000	15.000		700.000
4	Máy trưởng hạng nhất	1.600.000	100.000	15.000		1.715.000
5	Máy trưởng hạng nhì	800.000	85.000	15.000		900.000
6	Máy trưởng hạng ba	500.000	70.000	15.000		585.000
7	Chứng chỉ người lái phương tiện	300.000	70.000	15.000	20.000	405.000
8	Chứng chỉ thủy thủ	300.000	70.000	15.000	20.000	405.000
9	Chứng chỉ thợ máy	300.000	70.000	15.000	20.000	405.000
10	Chứng chỉ điều khiển phương tiện tốc độ cao loại I	300.000	70.000	15.000	20.000	405.000
11	Chứng chỉ điều khiển phương tiện thủy nội địa đi ven biển	300.000	70.000	15.000	20.000	405.000
12	Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở dầu	150.000	70.000	15.000	20.000	255.000

**BẢNG TỔNG HỢP THU TIỀN HỌC VIÊN
DỰ THI LẠI (LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH) ĐỂ XIN CẤP LẠI BẰNG
THUYỀN, MÁY TRƯỞNG VÀ CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN PTTNĐ**

*(Ban hành kèm theo Thông báo số 29/TB ngày 06/05/2013
của Giám đốc Trung tâm Tư vấn & Ứng dụng Công nghệ GTVT)*

STT	Loại đào tạo	Phí phụ đạo (đồng/ học viên)	Phí sát hạch và thi theo TT số 47/2005/TT -BTC (đồng/học viên)	Lệ phí xét tuyển theo TT số 63/2003/T T-BTC (đồng/hồ sơ)	Lệ phí cấp CCCM theo TT số 47/2005/T T-BTC (đồng/cái)	Tổng cộng
1	Thuyền trưởng hạng nhất	2.800.000	110.000	15.000		2.925.000
2	Thuyền trưởng hạng nhì	1.600.000	100.000	15.000		1.715.000
3	Thuyền trưởng hạng ba	1.200.000	85.000	15.000		1.300.000
4	Máy trưởng hạng nhất	2.400.000	100.000	15.000		2.515.000
5	Máy trưởng hạng nhì	1.400.000	85.000	15.000		1.500.000
6	Máy trưởng hạng ba	1.000.000	70.000	15.000		1.085.000
7	Chứng chỉ người lái phương tiện	400.000	70.000	15.000	20.000	505.000
8	Chứng chỉ thủy thủ	400.000	70.000	15.000	20.000	505.000
9	Chứng chỉ thợ máy	400.000	70.000	15.000	20.000	505.000
10	Chứng chỉ điều khiển phương tiện tốc độ cao loại I	400.000	70.000	15.000	20.000	505.000
11	Chứng chỉ điều khiển phương tiện tốc độ cao loại II	300.000	70.000	15.000	20.000	405.000
12	Chứng chỉ điều khiển phương tiện thủy nội địa đi ven biển	400.000	70.000	15.000	20.000	505.000
13	Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở dầu	300.000	70.000	15.000	20.000	405.000

**BẢNG TỔNG HỢP THU TIỀN HỌC VIÊN
SÁT HẠCH CHUYÊN ĐỔI BẢNG THUYỀN TRƯỞNG,
MÁY TRƯỞNG VÀ CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN PTTNĐ**

(Ban hành kèm theo Thông báo số 29/TB ngày 06/05/2013
của Giám đốc Trung tâm Tư vấn & Ứng dụng Công nghệ GTVT)

STT	Loại đào tạo	Phí phụ đạo (đồng/ học viên)	Phí sát hạch và thi theo TT số 47/2005/TT- BTC (đồng/học viên)	Lệ phí xét tuyển theo TT số 63/2003/TT -BTC (đồng/hồ sơ)	Lệ phí cấp CCCM theo TT số 47/2005/T T-BTC (đồng/cái)	Tổng cộng
1	Thuyền trưởng hạng nhất	2.000.000	220.000	15.000		2.235.000
2	Thuyền trưởng hạng nhì	1.000.000	200.000	15.000		1.215.000
3	Thuyền trưởng hạng ba	600.000	170.000	15.000		785.000
4	Máy trưởng hạng nhất	1.600.000	200.000	15.000		1.815.000
5	Máy trưởng hạng nhì	800.000	170.000	15.000		985.000
6	Máy trưởng hạng ba	500.000	140.000	15.000		655.000
7	Chứng chỉ người lái phương tiện	300.000	140.000	15.000	20.000	475.000
8	Chứng chỉ thủy thủ	300.000	140.000	15.000	20.000	475.000
9	Chứng chỉ thợ máy	300.000	140.000	15.000	20.000	475.000
10	Chứng chỉ điều khiển phương tiện tốc độ cao loại I	300.000	140.000	15.000	20.000	475.000
11	Chứng chỉ điều khiển phương tiện thủy nội địa đi ven biển	300.000	140.000	15.000	20.000	475.000
12	Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở dầu	150.000	140.000	15.000	20.000	325.000